| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**QUẬN GÒ VẤP**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 326/2020/QĐST-HNGĐ | *Gò Vấp, ngày 03 tháng 4 năm 2020* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các điều 397, 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 317/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*:

- Bà Lê Thị Ngọc Y, sinh năm: 1981
Địa chỉ cư trú: Đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

- Ông Huỳnh Võ Trọng N, sinh năm: 1980
Địa chỉ cư trú: Đường D, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa bà Y và ông N là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 53, quyển số: 01/2008 ngày 09/4/2008 của Ủy ban nhân dân Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 11/3/2020 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 26/3/2020, bà Y và ông N yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, bà Y là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung tên là Huỳnh Nhật M, sinh ngày: 08/8/2008 và Huỳnh Phúc K, sinh ngày: 04/11/2013. Hàng tháng ông N có nghĩa vụ cấp dưỡng cho 02 con là 25.000.000 (Mỗi con 12.500.000) đồng, bắt đầu thi hành từ ngày 15/4/2020 cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi, thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, bà Y và ông N thật sự tự nguyện ly hôn, tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

-Về quan hệ hôn nhân: Công nhận bà Lê Thị Ngọc Y và ông Huỳnh Võ Trọng N thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 53, quyển số: 01/2008 ngày 09/4/2008 của Ủy ban nhân dân Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh hết hiệu lực.

-Về con chung: Bà Y là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung tên là Huỳnh Nhật M, sinh ngày: 08/8/2008 và Huỳnh Phúc K, sinh ngày: 04/11/2013. Hàng tháng ông N có nghĩa vụ cấp dưỡng cho 02 con là 25.000.000 (Mỗi con 12.500.000) đồng, bắt đầu thi hành từ ngày 15/4/2020 cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi, thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Y và ông N phải chịu lệ phí là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số: AA/2019/0025840 ngày 12/3/2020 của Chi cục Thi hành án quận Gò Vấp, đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (Sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các

Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (Sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**THẨM PHÁN**

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**Trần Mạnh Cường**